

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2017/HNGĐ-ST
Ngày 07/9/2017
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia
đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tân Thịnh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Cường và ông Đào Xuân Thịnh.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh - Thư ký Tòa án;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2017/QĐXX- ST ngày 28 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị H, sinh năm 1982; (Có mặt)

Nơi ĐKKH: Tổ dân phố L, thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

STQ: Thôn Nam P, xã X, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1979; (Vắng mặt)

STQ: Tổ dân phố L, thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn ly hôn và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn với nhau vào ngày 24/12/1999 âm lịch (tức ngày 30/01/2000). Trước khi cưới anh, chị có được tìm hiểu, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã T (Nay thuộc thị trấn D). Sau khi cưới chị về gia đình chồng làm ăn ngay, vợ chồng chung cùng gia đình khoảng một năm sau ra ăn riêng nhưng vẫn ở chung nhà, tình cảm ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có 02 con chung.

Nguyên nhân ly hôn: Sau khi chị sinh con lớn được khoảng 3 tháng (tháng 03/2001) thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D không trí thú làm ăn, không quan tâm đến mẹ con chị mà lao vào tệ nạn xã hội chơi lô, đề cò bạc, chị có mua sắm được tài sản gì thì anh D mang đi cầm cầm bán lấy tiền chơi cờ bạc, chị cùng gia đình chồng đã động viên khuyên bảo rất nhiều

lần nhưng anh D đã không nghe mà còn đánh đập chị, tuy nhiên chị vẫn cam chịu và hy vọng qua thời gian sẽ động viên khuyên bảo được anh D nhưng cuối cùng vẫn không có kết quả, do không thể cam chịu thêm được nữa đến tháng 3/2016 vợ chồng sống ly thân, sau khi ly thân anh D đã nhiều lần hàn gắn tình cảm, do vì con nên chị đã chấp nhận để anh D tự cải sửa bản thân, nhưng mục đích của anh D quay về chung sống không phải vì tình cảm vợ chồng mà tạo sự tin tưởng của chị để rồi mang đi bán những tài sản có giá trị trong nhà. Do xác định không thể thay đổi được anh D cũng như không còn một chút tình cảm vợ chồng, nên vào tháng 3/2017 chị đã bỏ về gia đình đẻ sống, vợ chồng không còn qua lại, chấm dứt mọi quan hệ và ly thân từ đó đến nay. Do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 25/01/2001 và Nguyễn Văn M, sinh ngày 29/7/2008. Hiện nay cả hai con sống cùng chị. Nay ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả hai con và không yêu cầu anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Nếu anh D có nguyện vọng nuôi con chị không đồng ý vì bản thân anh D không có công ăn việc làm ổn định, hơn nữa không chịu làm ăn mà chỉ chơi bời nên không đủ khả năng để nuôi dạy con cái.

Về tài sản, vay nợ, công sức, ruộng đất: Không có gì vướng mắc nên chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị được ly hôn và xin được nuôi con chung, ngoài ra chị không còn yêu cầu, đề nghị nào khác.

Phía anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án cũng như Tòa án cùng chính quyền địa phương đến nơi cư trú nhưng anh D không hợp tác nên Tòa án không thể tiến hành ghi lời khai của anh D được.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa nhận xét:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 96, 97, 98, 99, khoản 6 Điều 48 và khoản 4 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc công khai trực tiếp bằng lời nói theo Điều 51, 225 và Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Con chung: Giao cho chị Trần Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi các con là Nguyễn Thị Thu Tr, sinh ngày 25/01/2001 và Nguyễn Văn M, sinh ngày 29/7/2008.

Cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

- **Tài sản, vay nợ, công sức, ruộng đất:** Không giải quyết.

- **Án phí:** Chị Trần Thị H được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Ngày 25/5/2017 Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng tiến hành thụ lý vụ án. Tòa án đã tiến hành gửi, giao thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập cũng như thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Nguyễn Văn D, yêu cầu anh D đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng anh D không đến Tòa án làm việc và không có lý do chính đáng, Tòa án cũng đã phối hợp cùng chính quyền địa phương đến nơi cư trú của anh D để làm việc nhưng cũng không làm việc được với anh D. Ông Nguyễn Văn T là bố đẻ của anh D cho biết: Anh D đi làm vẫn thường xuyên về nhà, các giấy tờ Tòa án giao ông đều giao cho anh D, anh D có đến tòa án làm việc hay không ông không biết, do vậy anh D có biết việc chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh D. Do vậy Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử khi chưa tiến hành lấy lời khai cũng như lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và làm thủ tục hòa giải giữa các đương sự là có căn cứ. Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh D, phía gia đình anh D xác nhận đã giao và thông báo thời gian, địa điểm mở phiên tòa cho anh D biết. Ngày 18/8/2017 Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án nhưng anh D vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, đồng thời giao cho gia đình anh D nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử theo trình tự thủ tục chung.

Do việc anh D không đến tòa án làm việc nên không thể tiến hành ghi được lời khai của anh D, tuy nhiên qua kết quả điều tra xác minh với chính quyền địa phương và lời khai của gia đình anh D thì thấy:

Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn D kết hôn với nhau vào ngày 24/12/1999 tức ngày 30/01/2000 (đương lịch), trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân ly hôn là do mâu thuẫn phát sinh từ tháng 01/2001, vợ chồng thường bất đồng quan điểm từ những việc sinh hoạt cuộc sống thường ngày cũng như quan điểm sống và cũng từ một phần là do hoàn cảnh kinh tế vợ chồng quá khó khăn, hơn nữa anh D không trí thú làm ăn thu vén tạo dựng kinh tế gia đình,

vướng vào tệ nạn xã hội, chị H cùng gia đình chồng đã nhiều lần khuyên bảo, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả. Bởi vậy đến tháng 3/2017, do xác định không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở hẳn từ đó cho đến nay. Vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng và sống ly thân. Nay bản thân chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Do vậy, tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn D. Hội đồng xét xử xét thấy: Thực tế chị H và anh D, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhiều năm, đã ly thân nhau từ tháng 3/2017 cho đến nay không còn liên hệ gì với nhau. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn D không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng cũng không thể có hạnh phúc. Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị H là hoàn toàn phù hợp với thực tế cuộc sống chung của vợ chồng, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu Tr, sinh ngày 25/01/2001 và Nguyễn Văn M, sinh ngày 29/7/2008. Hiện nay cả hai con sống cùng chị. Kể từ khi ly thân cho đến nay con chung sống cùng chị, nay ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con. Xét thực tế kể từ khi ly thân cháu vẫn sống cùng chị H và nguyện vọng của hai cháu muốn sống cùng chị H. Do vậy nhằm tránh sự thay đổi không cần thiết, sáo trộn về tâm lý của các cháu khi ly hôn cần tiếp tục giao cho chị H trực tiếp nuôi con chung là phù hợp.

Cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Tài sản chung, vay nợ, công sức, ruộng đất: Chị H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Án phí: Do chị H thuộc hộ nghèo nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 điều 28, điều 227, 228, 271 và điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

- **Con chung:** Tiếp tục giao cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thị Thu Tr, sinh ngày 25/01/2001 và Nguyễn Văn M, sinh ngày 29/7/2008.

Cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi

đưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- **Tài sản, vay nợ, công sức, ruộng đất:** Không giải quyết.

- **Án phí:** Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Trần Thị H. Hoàn trả cho chị Trần thị H 300.000đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số: AA/2010/000887 ngày 25/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Cường-Đào Xuân Thịnh

Vũ Tân Thịnh

